TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04-6-2019
"Xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Tú Anh
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Điền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long *tham gia phiên tòa*: Không tham gia phiên tòa.

Hôm nay, ngày 04 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2019/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXX- ST, ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị G, sinh năm 1979 đăng ký thường trú tổ 04, ấp An T, xã Tân An Th, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long, tạm trú ấp Mỹ Phú 2, xã Mỹ Thạnh Trung, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Văn Út N, sinh năm 1979 nơi cư trú tổ 04, ấp An T, xã Tân An Th, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai đề ngày 22/02/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Võ Thị G trình bày:

Vào năm 2005 Chị G và anh Trần Văn Út N do mai mối được gia đình chấp thuận có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân An Th, huyện BM (Nay huyện BT), tỉnh Vĩnh Long được cấp giấy chứng nhận ngày 16/9/2005. Nữ trang cưới có 05 chỉ vàng 24k nhưng khi sống chung vợ chồng đã bán tiêu xài hết không còn.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại ấp An T, xã Tân An Th, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long, anh chị có 01 con chung tên Trần Thị Bằng T, sinh ngày 08/6/2006 hiện đang sống cùng chị G. Anh Út N và chị G sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẩn do không hợp tính tình, anh Út N không chí thú làm ăn, rượu chè hay chửi mắng chị G. Chị đã nói chuyện anh Út N nhiều lần để anh Út N thay đổi tính tình nhưng anh Út N không thay đổi nên vợ chồng cự cải nhau thường xuyên, đỉnh điểm là năm 2014 chị cùng với cháu T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống tại xã Mỹ Thạnh Tr, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Chị G và anh Út N sống ly thân cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh Út N và chị không ai quan tâm hay thăm nom gì nhau. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau được nửa, chị G xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống chung không hạnh phúc do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị Võ Thị G yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Út N.

Về con chung: Cháu Trần Thị Băng T, sinh ngày 08/6/2006 chị G yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Trần Văn Út N cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

** Ý kiến trình bày của bị đơn anh Trần Văn Út N:*

Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn anh Trần Văn Út N hoàn toàn không có ý kiến gì gửi cho Tòa án.

* Ý kiến trình bày của cháu T: Tại bản khai ngày 22/2/2019 cháu T có ý kiến nếu cha mẹ ly hôn cháu muốn tiếp tục sống chung với mẹ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị G vẫn giữ yêu cầu khởi kiện anh Trần Văn Út N: Về hôn nhân Chị Võ Thị G yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Út N. Về con chung: Cháu Trần Thị Băng T, sinh ngày 08/6/2006 chị G yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Trần Văn Út N cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Võ Thị G có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết ly hôn anh Trần Văn Út N cư trú tại ấp An T, xã Tân An Th, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập hợp lệ dự phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải các ngày 03/4/2019, ngày 22/4/2019, triệu tập tham dự phiên tòa vào các ngày 13/5/2019 và ngày 04/6/2019 cho anh Út N đúng theo quy định của pháp luật nhưng anh Trần Văn Út N hoàn toàn không có ý kiến gì gửi cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay vắng mặt anh Trần Văn Út N. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Trần Văn Út N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân chị Võ Thị G và anh Trần Văn Út N có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân An Th, huyện BM (nay BT), tỉnh Vĩnh Long được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/9/2005 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận. Xét yêu cầu của chị Võ Thị G xin ly hôn anh Trần Văn Út N hoàn toàn có cơ sở, bởi vì về mâu thuẩn vợ chồng giữa chị G và anh Trần Văn Út N là trầm trọng, vợ chồng có thời gian sống ly thân rất lâu từ năm 2014 đến nay, chị G xác định không còn tình cảm với anh Út N nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, cho nên mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Võ Thị G được ly hôn với anh Trần Văn Út N.

[2.2] Về con chung: Cháu Trần Thị Băng T, sinh ngày 08/6/2006 chị G yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Trần Văn Út N cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu này của chị G Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị G và anh Út Nsống ly thân đến nay, chị G nuôi dưỡng cháu T cũng đảm bảo tốt mọi mặt đời sống cho cháu T, cho nên để đảm bảo cho cháu T ổn định đời sống sinh hoạt, cũng như điều kiện cho sự phát triển thể chất, tinh thần cho cháu T. Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu T cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Anh Út N không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, chị G không được ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con chị G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Chị Võ Thị G không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Chị Võ Thị G phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 9, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị G đối với anh Trần Văn Út N. Cho chị Võ Thị G ly hôn với anh Trần Văn Út N.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Băng T, sinh ngày 08 tháng 6 năm 2006 cho chị Võ Thị G tiếp tục nuôi dưỡng, anh Trần Văn Út N không phải cấp dưỡng nuôi con. Quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ sau khi ly hôn đối với việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được thực hiện theo Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về quan hệ tài sản: Chị Võ Thị G không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Võ Thị G phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo lai thu số 0015339 ngày 22 tháng 2 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy chị Võ Thị G đã nộp đủ không phải nộp thêm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Trần Văn Út N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND. Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND.H Bình Tân;
- Chi cục THADS.H Bình Tân;
- UBND xã Tân An Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Hồng Diễm